SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS THPT 2009-2010

BẢNG ĐIỂM KÌ THI TUYỂN SINH THPT KHỐI CHUYÊN

Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi Môn thi: **Chuyên Hóa**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Chuyên	Điểm KK	Tổng điểm
1	NT0145	Lê Công Ánh Dương	16-11-1994	9.75	6.50	9.75	1.5	**37.25**
2	NT0188	Nguyễn Hải Hà	14-03-1994	9.50	8.00	9.50	0.0	**36.50**
3	NT0183	Đào Thu Giang	15-05-1994	9.50	7.75	8.75	1.0	**35.75**
4	NT0020	Vũ Thị Kiều Anh	10-09-1994	9.50	7.50	9.25	0.0	**35.50**
5	NT0444	Hoàng Thanh Mai	05-10-1994	9.00	9.00	8.75	0.0	**35.50**
6	NT0413	Phạm Trung Linh	07-08-1994	9.25	5.75	9.25	1.5	**35.00**
7	NT0427	Đỗ Thị Hương Ly	18-03-1994	8.75	8.00	9.00	0.0	**34.75**
8	NT0506	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	27-08-1994	9.25	7.50	9.00	0.0	**34.75**
9	NT0229	Chu Thị Hạnh	25-08-1994	8.75	7.75	9.00	0.0	**34.50**
10	NT0510	Đào Thị Thanh Nhàn	13-04-1994	9.00	7.50	9.00	0.0	**34.50**
11	NT0581	Hoàng Trọng Quân	28-07-1994	8.75	7.25	9.25	0.0	**34.50**
12	NT0189	Phạm Thị Hải Hà	22-11-1994	8.75	7.50	9.00	0.0	**34.25**
13	NT0468	Nguyễn Đình Nam	05-08-1994	8.75	6.00	8.75	2.0	**34.25**
14	NT0164	Nguyễn Tiến Đông	19-11-1994	9.00	7.00	8.50	1.0	**34.00**
15	NT0545	Phùng Đức Phú	16-10-1994	9.50	5.00	9.25	1.0	**34.00**
16	NT0048	Vũ Phương Anh	10-01-1994	9.25	6.50	9.00	0.0	**33.75**
17	NT0298	Phan Ngọc Hùng	01-07-1994	9.50	6.25	9.00	0.0	**33.75**
18	NT0777	Nguyễn Thanh Tùng	01-10-1994	8.75	8.00	8.50	0.0	**33.75**
19	NT0441	Hoàng Thị Phương Mai	05-12-1994	9.00	7.50	8.50	0.0	**33.50**
20	NT0151	Hoàng Thái Dương	07-06-1994	9.00	6.75	8.25	1.0	**33.25**
21	NT0591	Tăng Thị Hương Sen	16-04-1994	9.00	7.75	8.25	0.0	**33.25**
22	NT0610	Đỗ Ngọc Thái	08-01-1994	8.50	6.75	9.00	0.0	**33.25**
23	NT0024	Nguyễn Thị Lan Anh	18-12-1994	9.00	6.00	9.00	0.0	**33.00**
24	NT0456	Nguyễn Thị Ngọc Minh	28-01-1994	8.25	7.25	8.75	0.0	**33.00**
25	NT0488	Trần Văn Nghiệp	21-04-1994	8.50	6.50	8.25	1.5	**33.00**
26	NT0712	Đào Thị Quỳnh Trang	26-03-1994	9.50	6.75	8.25	0.0	**32.75**
27	NT0768	Nguyễn Ngọc Tuấn	21-12-1993	8.75	7.50	8.25	0.0	**32.75**
28	NT0674	Nguyễn Văn Thụ	02-06-1994	8.25	5.75	9.25	0.0	**32.50**
29	NT0788	Nguyễn Thị Uyên	15-10-1994	8.00	8.50	8.00	0.0	**32.50**
30	NT0085	Trần Thị Vân Anh	30-11-1994	8.25	6.50	8.75	0.0	**32.25**
31	NT0498	Nguyễn Thị Minh Ngọc	22-04-1994	9.00	7.25	8.00	0.0	**32.25**
32	NT0618	Dương Thị Thanh	09-12-1994	9.00	7.75	7.75	0.0	**32.25**
33	NT0408	Cao Thùy Linh	08-10-1994	9.00	8.00	7.50	0.0	**32.00**
34	NT0504	Đinh Thị Yến Ngọc	21-12-1994	9.50	4.50	9.00	0.0	**32.00**
35	NT0803	Nguyễn Đăng Vinh	07-11-1994	8.00	6.50	8.25	1.0	**32.00**
36	NT0107	Đoàn Tuấn Cảnh	27-10-1994	8.50	6.25	8.50	0.0	**31.75**
37	NT0054	Đoàn Thị Quỳnh Anh	15-12-1994	9.50	8.00	7.00	0.0	**31.50**
38	NT0344	Nguyễn Ngân Hường	04-07-1994	9.00	8.50	7.00	0.0	**31.50**
39	NT0064	Đinh Đăng Tuấn Anh	28-08-1994	8.00	6.25	8.50	0.0	**31.25**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS THPT 2009-2010

BẢNG ĐIỂM KÌ THI TUYỂN SINH THPT KHỐI CHUYÊN

Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi Môn thi: **Chuyên Hóa**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Chuyên	Điểm KK	Tổng điểm
40	NT0268	Phạm Sỹ Hiếu	02-12-1994	9.25	6.00	8.00	0.0	**31.25**
41	NT0178	Phạm Văn Đức	16-12-1994	8.25	7.50	7.50	0.0	**30.75**
42	NT0283	Vũ Huy Hoàng	05-10-1994	9.25	6.00	7.25	1.0	**30.75**
43	NT0440	Vũ Ngọc Mai	07-07-1994	8.00	6.25	8.25	0.0	**30.75**
44	NT0804	Bùi Văn Vinh	27-11-1994	9.25	7.00	7.25	0.0	**30.75**
45	NT0555	Ngô Thị Mai Phương	04-01-1994	8.50	6.50	7.75	0.0	**30.50**
46	NT0687	Ngô Thị Minh Thư	01-02-1994	9.00	7.50	7.00	0.0	**30.50**
47	NT0571	Nghiêm Thị Phượng	09-02-1994	9.00	8.75	6.25	0.0	**30.25**
48	NT0608	Lê Duy Thái	18-10-1994	8.00	4.25	9.00	0.0	**30.25**
49	NT0742	Đinh Quang Trung	13-04-1994	9.00	6.25	7.50	0.0	**30.25**
50	NT0137	Hoàng Việt Dũng	20-08-1994	9.25	6.25	7.25	0.0	**30.00**
51	NT0237	Trần Minh Hằng	18-04-1994	10.00	8.00	6.00	0.0	**30.00**
52	NT0465	Trịnh Huyền My	26-12-1994	9.00	6.00	7.50	0.0	**30.00**
53	NT0652	Hoàng Văn Thảo	13-07-1994	7.75	6.25	8.00	0.0	**30.00**
54	NT0373	Nguyễn Thị Cẩm Linh	26-11-1994	8.75	8.00	6.50	0.0	**29.75**
55	NT0612	Vương Trọng Thái	14-10-1994	9.00	7.00	6.75	0.0	**29.50**
56	NT0668	Nguyễn Thị Thơ	02-09-1994	9.75	5.75	7.00	0.0	**29.50**
57	NT0799	Vũ Đình Việt	12-01-1994	9.75	5.75	7.00	0.0	**29.50**
58	NT0116	Nguyễn Hồng Chương	02-09-1994	9.00	6.25	7.00	0.0	**29.25**
59	NT0374	Vũ Cẩm Linh	29-07-1994	7.75	7.00	7.25	0.0	**29.25**
60	NT0401	Lê Thị Linh	12-02-1994	8.25	6.00	7.50	0.0	**29.25**
61	NT0520	Phạm Thị Nhinh	04-01-1994	9.00	7.75	6.25	0.0	**29.25**
62	NT0091	Phan Thị Ngọc Ánh	09-04-1994	8.00	7.00	7.00	0.0	**29.00**
63	NT0159	Lưu Thành Đạt	17-01-1994	9.00	6.50	6.75	0.0	**29.00**
64	NT0345	Bùi Thị Thanh Hường	19-01-1994	9.00	6.25	6.75	0.0	**28.75**
65	NT0578	Phạm Minh Quang	11-04-1994	9.50	6.25	6.50	0.0	**28.75**
66	NT0332	Nguyễn Thị Hương	13-12-1994	9.00	6.00	6.75	0.0	**28.50**
67	NT0389	Vũ Khánh Linh	05-01-1994	8.00	7.00	6.75	0.0	**28.50**
68	NT0530	Vũ Hồng Nhung	09-08-1994	8.75	7.25	6.25	0.0	**28.50**
69	NT0415	Phạm Thị Loan	25-04-1994	8.75	7.00	6.25	0.0	**28.25**
70	NT0749	Vũ Danh Trường	28-10-1994	9.00	5.75	6.75	0.0	**28.25**
71	NT0778	Nguyễn Thanh Tùng	05-09-1994	9.25	8.50	5.25	0.0	**28.25**
72	NT0825	Bùi Thị Yến	18-04-1994	9.00	6.75	6.25	0.0	**28.25**
73	NT0101	Nguyễn Phúc Bình	01-08-1994	9.00	5.50	6.75	0.0	**28.00**
74	NT0135	Bùi Văn Dũng	07-12-1994	8.75	6.00	6.50	0.0	**27.75**
75	NT0250	Vũ Hải Hậu	15-04-1994	9.00	5.25	6.75	0.0	**27.75**
76	NT0601	Trần Quang Tài	28-02-1994	8.00	5.75	7.00	0.0	**27.75**
77	NT0754	Đoàn Anh Tú	16-09-1994	9.25	6.50	6.00	0.0	**27.75**
78	NT0785	Đỗ Thanh Tuyền	17-04-1994	9.25	7.50	5.50	0.0	**27.75**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS THPT 2009-2010

BẢNG ĐIỂM KÌ THI TUYỂN SINH THPT KHỐI CHUYÊN

Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi Môn thi: **Chuyên Hóa**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Chuyên	Điểm KK	Tổng điểm
79	NT0461	Trương Tuệ Minh	29-07-1994	8.25	7.25	6.00	0.0	**27.50**
80	NT0760	Vũ Anh Tuấn	25-10-1994	8.75	7.25	5.75	0.0	**27.50**
81	NT0223	Nguyễn Văn Hải	21-05-1994	8.00	6.75	6.25	0.0	**27.25**
82	NT0289	Nguyễn Thị Thu Hồng	08-08-1994	8.25	7.00	6.00	0.0	**27.25**
83	NT0576	Hà Minh Quang	23-12-1994	8.75	7.50	5.50	0.0	**27.25**
84	NT0595	Nguyễn Trần Sơn	09-12-1994	8.25	6.50	6.25	0.0	**27.25**
85	NT0766	Nguyễn Minh Tuấn	20-11-1994	9.00	6.75	5.75	0.0	**27.25**
86	NT0009	Nguyễn Hải Anh	31-12-1994	8.50	7.00	5.75	0.0	**27.00**
87	NT0233	Hoàng Thị Hảo	05-11-1994	8.75	6.75	5.75	0.0	**27.00**
88	NT0311	Nguyễn Thị Minh Huyền	27-12-1994	8.75	6.25	6.00	0.0	**27.00**
89	NT0445	Cao Thị Mai	19-02-1994	9.00	7.00	5.50	0.0	**27.00**
90	NT0448	Lưu Thị Mai	16-02-1994	9.00	8.00	5.00	0.0	**27.00**
91	NT0615	Phạm Gia Thanh	09-03-1994	8.50	6.00	6.25	0.0	**27.00**
92	NT0157	Vũ Huy Đạt	27-03-1994	8.25	4.50	7.00	0.0	**26.75**
93	NT0811	Lê Thị Hồng Xen	27-08-1994	9.00	6.75	5.50	0.0	**26.75**
94	NT0276	Phạm Thị Hoa	12-08-1994	9.75	6.75	5.00	0.0	**26.50**
95	NT0559	Đặng Thảo Phương	02-10-1994	10.00	5.50	5.50	0.0	**26.50**
96	NT0032	Đinh Thị Ngọc Anh	03-06-1994	8.75	7.00	5.25	0.0	**26.25**
97	NT0130	Nguyễn Thanh Dung	06-06-1994	8.75	8.00	4.75	0.0	**26.25**
98	NT0234	Vũ Thị Diệu Hằng	23-10-1994	8.50	7.75	5.00	0.0	**26.25**
99	NT0338	Nguyễn Thị Thu Hương	06-09-1994	9.00	6.75	5.25	0.0	**26.25**
100	NT0418	Nguyễn Gia Long	02-11-1994	8.75	7.50	5.00	0.0	**26.25**
101	NT0718	Bùi Thu Trang	02-04-1994	9.00	5.25	6.00	0.0	**26.25**
102	NT0076	Trần Tuấn Anh	08-08-1994	9.00	6.00	5.50	0.0	**26.00**
103	NT0781	Nguyễn Văn Tùng	24-10-1994	8.25	6.75	5.50	0.0	**26.00**
104	NT0150	Phạm Phúc Dương	28-09-1994	9.00	6.75	5.00	0.0	**25.75**
105	NT0124	Nguyễn Mạnh Cường	18-11-1994	8.25	7.25	5.00	0.0	**25.50**
106	NT0231	Bùi Thị Hảo	04-08-1994	8.50	7.50	4.75	0.0	**25.50**
107	NT0616	Đỗ Thị Mai Thanh	27-05-1994	9.00	6.00	5.25	0.0	**25.50**
108	NT0821	Phạm Thị Hải Yến	26-12-1994	8.50	7.50	4.75	0.0	**25.50**
109	NT0005	Phan Duy Anh	30-10-1994	9.00	5.25	5.50	0.0	**25.25**
110	NT0148	Bùi Hữu Dương	14-07-1994	9.00	5.25	5.50	0.0	**25.25**
111	NT0176	Nguyễn Trọng Đức	11-10-1994	7.50	6.75	5.50	0.0	**25.25**
112	NT0228	Phạm Hồng Hạnh	10-12-1994	8.00	7.25	5.00	0.0	**25.25**
113	NT0260	Cao Văn Hiện	15-08-1994	8.25	5.00	6.00	0.0	**25.25**
114	NT0366	Vũ Tùng Lâm	03-07-1994	8.50	7.75	4.50	0.0	**25.25**
115	NT0149	Trần Thị Nam Dương	03-10-1994	8.25	6.00	5.25	0.0	**24.75**
116	NT0177	Lê Trung Đức	07-10-1994	9.00	6.75	4.50	0.0	**24.75**
117	NT0220	Đỗ Ngọc Hải	30-10-1994	8.00	2.25	7.25	0.0	**24.75**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS THPT 2009-2010

BẢNG ĐIỂM KÌ THI TUYỂN SINH THPT KHỐI CHUYÊN

Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi Môn thi: **Chuyên Hóa**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Chuyên	Điểm KK	Tổng điểm
118	NT0586	Phạm Văn Quynh	10-01-1994	9.75	6.50	4.25	0.0	**24.75**
119	NT0533	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	21-06-1994	8.75	6.75	4.50	0.0	**24.50**
120	NT0140	Nguyễn Đăng Duy	28-11-1994	9.75	6.00	4.25	0.0	**24.25**
121	NT0385	Nguyễn Khánh Linh	21-01-1994	7.75	7.50	4.25	0.0	**23.75**
122	NT0458	Bùi Quang Minh	28-11-1994	8.75	5.00	5.00	0.0	**23.75**
123	NT0570	Trương Nguyễn Hồng Phương	07-04-1994	7.25	6.00	5.25	0.0	**23.75**
124	NT0784	Lê Huy Tuyền	05-11-1994	9.00	7.25	3.75	0.0	**23.75**
125	NT0410	Khúc Thị Thùy Linh	16-05-1994	9.00	7.50	3.50	0.0	**23.50**
126	NT0108	Đào Duy Cây	09-10-1994	8.00	4.75	5.25	0.0	**23.25**
127	NT0473	Nguyễn Thị Mai Nga	08-03-1994	8.50	5.75	4.25	0.0	**22.75**
128	NT0584	Bùi Thị Hồng Quyên	03-10-1994	6.25	7.00	4.75	0.0	**22.75**
129	NT0309	Nguyễn Thành Huy	31-10-1994	9.00	7.50	3.00	0.0	**22.50**
130	NT0232	Đỗ Thị Hảo	23-03-1994	9.00	5.50	3.75	0.0	**22.00**
131	NT0313	Nguyễn Thanh Huyền	06-08-1994	8.25	5.25	4.25	0.0	**22.00**
132	NT0342	Phạm Thị Thu Hương	15-10-1994	8.25	7.25	3.25	0.0	**22.00**
133	NT0403	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	04-09-1994	8.00	6.00	4.00	0.0	**22.00**
134	NT0568	Phạm Vân Phương	06-07-1994	9.00	6.50	3.25	0.0	**22.00**
135	NT0629	Đinh Xuân Thành	04-03-1994	8.25	5.25	4.25	0.0	**22.00**
136	NT0716	Phạm Thị Trang	16-05-1994	8.75	6.25	3.50	0.0	**22.00**
137	NT0577	Ngô Minh Quang	23-08-1994	8.75	6.00	3.50	0.0	**21.75**
138	NT0713	Trần Quỳnh Trang	07-10-1994	8.75	5.75	3.50	0.0	**21.50**
139	NT0058	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	17-07-1994	8.50	6.75	3.00	0.0	**21.25**
140	NT0063	Đặng Thái Anh	17-03-1994	8.25	6.50	3.25	0.0	**21.25**
141	NT0156	Đặng Đức Đạt	03-11-1994	8.25	6.50	3.25	0.0	**21.25**
142	NT0118	Vũ Tiến Công	10-09-1994	8.00	5.50	3.50	0.0	**20.50**
143	NT0407	Phạm Thuỳ Linh	09-11-1994	9.50	7.00	2.00	0.0	**20.50**
144	NT0198	Hoàng Thị Hà	24-08-1994	8.25	5.75	3.00	0.0	**20.00**
145	NT0614	Ngô Xuân Thái	24-05-1994	8.75	6.00	2.25	0.0	**19.25**
146	NT0623	Nguyễn Bá Ngọc Thành	19-03-1994	9.00	6.25	2.00	0.0	**19.25**
147	NT0359	Trần Trung Kiên	02-04-1994	7.75	6.50	2.25	0.0	**18.75**
148	NT0549	Phạm Quang Phúc	09-06-1994	8.25	4.25	2.25	0.0	**17.00**
149	NT0196	Nguyễn Thị Ngọc Hà	21-06-1994	8.00	5.00	1.75	0.0	**16.50**
150	NT0327	Nguyễn Tiến Hưng	29-11-1994	8.25	4.75	1.75	0.0	**16.50**
151	NT0826	Lê Thị Yến	04-07-1994	7.75	6.50	1.00	0.0	**16.25**
152	NT0081	Đặng Thị Vân Anh	12-02-1994	8.25	6.00		0.0	
153	NT0153	Vũ Viết Dương	18-02-1994				0.0	
154	NT0165	Nguyễn Tô Đông	03-01-1994	8.50	5.50		0.0	
155	NT0464	Vũ Hằng My	18-03-1994	6.50	6.75		0.0	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS THPT 2009-2010

BẢNG ĐIỂM KÌ THI TUYỂN SINH THPT KHỐI CHUYÊN

Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi Môn thi: **Chuyên Hóa**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Chuyên	Điểm KK	Tổng điểm

Hải Dương, ngày 21 tháng 7 năm 2009
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN QUỐC